

Bất cập khi vận dụng nguyên tắc giá gốc để hạch toán, theo dõi các khoản đầu tư cổ phiếu và lập báo cáo tài chính

Ths. Nguyễn Minh Thành*

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu, rộng vào kinh tế thế giới, các doanh nghiệp không chỉ trông chờ thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ truyền thống mà họ còn mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác, trong đó có lĩnh vực đầu tư cổ phiếu. Đầu tư cổ phiếu có thể mang lại những khoản sinh lời cho doanh nghiệp từ việc nhận cổ tức hoặc chênh lệch giữa giá bán và giá mua cổ phiếu. Hầu hết các doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay đều sở hữu một hoặc một số khoản đầu tư cổ phiếu. Từ đó, nhu cầu nắm bắt thông tin về các khoản đầu tư cổ phiếu của những đối tượng sử dụng thông tin được trình bày trên BCTC của các doanh nghiệp ngày càng tăng. Các nguyên tắc, phương pháp hạch toán kế toán hiện nay đối với các khoản đầu tư cổ phiếu đã xuất hiện những bất cập và không đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho những đối tượng sử dụng thông tin trên BCTC của doanh nghiệp. Bài viết này nhằm mục đích chỉ ra những bất cập đó và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện đề BCTC của doanh nghiệp có thể cung cấp đầy đủ và chính xác hơn các thông tin

liên quan tới khoản đầu tư cổ phiếu của doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư cổ phiếu được đề cập trong bài viết này là:

(1) Những khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn được hạch toán tại TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (TK cấp 2 là TK 1211; không bao gồm trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu và các giấy tờ có giá khác);

(2) Những khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn khác được hạch toán tại TK 228 - Đầu tư dài hạn khác (TK cấp 2 là TK 2281; không bao gồm trái phiếu và đầu tư tài hạn khác).

Việc hạch toán, theo dõi các khoản đầu tư cổ phiếu được dựa trên những căn cứ sau:

* Nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam

- Hệ thống 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS Vietnamese Accounting Standards) được ban hành trong vòng gần 10 năm nay dựa trên các nguyên tắc kế toán được quốc tế công nhận, trong đó có nguyên tắc giá gốc.

VAS 01 Chuẩn mực chung quy định: "Các nguyên tắc, yêu cầu kế toán cơ bản ... phải được áp dụng đối với mọi

doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong phạm vi cả nước". Như vậy, đồng nghĩa với việc tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam đều phải trình bày BCTC theo VAS.

- Theo VAS 01, tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận. Giá gốc của tài sản không được thay đổi trừ khi có quy định khác trong chuẩn mực kế toán cụ thể.

* Căn cứ xác định giá cổ phiếu

Để xác định giá của hàng hóa nói chung, cổ phiếu nói riêng thường dựa trên: quy luật giá trị; quy luật cung cầu và nguyên tắc thỏa thuận trong mua bán.

Quy luật giá trị: quy luật này đòi hỏi việc sản xuất hàng hóa phải trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Quy luật cung cầu: quy luật này biểu hiện quan hệ giữa cung, cầu và giá cả hàng hóa. Ngoài ra, giá cả của hàng hóa còn được xác định dựa trên những nguyên tắc thỏa thuận giữa người mua và người bán.

* Học viện Tài chính

Cổ phiếu cũng là một loại hàng hóa trong nền kinh tế thị trường bởi lẽ:

- Cổ phiếu là biểu hiện cho việc sở hữu một phần tài sản của doanh nghiệp được đầu tư hay còn gọi là biểu hiện giá trị của doanh nghiệp. Tức là cổ phiếu được tạo nên dựa trên quy luật giá trị.

- Mặt khác, trong nền kinh tế thị trường, cổ phiếu được coi như một loại hàng hóa vì chúng được phép mua bán, trao đổi tự do trên thị trường (trừ những trường hợp đặc biệt không được chuyển nhượng tự do theo quy định của nhà nước). Mặc dù cổ phiếu không mang lại giá trị sử dụng cho người mua nhưng có thể đem lại cổ tức hoặc khoản chênh lệch giá cho người nắm giữ. Vì vậy, cổ phiếu vẫn liên tục được mua bán, trao đổi trên thị trường chứng khoán.

Như vậy, cổ phiếu là một loại hàng hóa trong nền kinh tế thị trường và giá cả của chúng cũng được xác định theo những căn cứ trên.

Hiện tại việc theo dõi, hạch toán khoản đầu tư cổ phiếu và lập BCTC tại các doanh nghiệp dựa trên nguyên tắc giá gốc đã gặp nhiều bất cập, biểu hiện cụ thể ở một số bất cập sau:

(1) Các khoản đầu tư cổ phiếu được ghi nhận theo giá gốc, số liệu về các khoản mục liên quan đến đầu tư cổ phiếu trên BCTC cũng sẽ không thay đổi nếu doanh nghiệp không có giao dịch mua/bán cổ phiếu trong kỳ kế toán đó. Trong khi đó, giá cả thị trường của cổ

phiếu luôn biến động từng ngày, từng giờ (đặc biệt là đối với các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung). Vì vậy, đến thời điểm lập BCTC, giá cả thị trường của cổ phiếu đã có thể thay đổi rất nhiều so với thời điểm doanh nghiệp mua/đầu tư cổ phiếu; dẫn tới việc BCTC thường không phản ánh đúng giá trị thị trường của cổ phiếu.

(2) Hiện nay, đối với những cổ phiếu có giá trị thị trường giảm so với giá gốc, doanh nghiệp được trích lập dự phòng giảm giá: (i) với những cổ phiếu niêm yết, số trích lập dự phòng tại thời điểm lập BCTC bằng giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm đó trừ đi giá trị đầu tư ban đầu (giá gốc); (ii) với những cổ phiếu đã đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường tại ngày trích lập dự phòng được tính bằng giá giao dịch bình quân trên hệ thống; (iii) với những cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch tại UpCom thì giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày trích lập dự phòng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giao dịch được cung cấp bởi tối thiểu 03 công ty chứng khoán; (iv) với những cổ phiếu chưa niêm yết khác hoặc các chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch hoặc ngừng giao dịch thì doanh nghiệp thường sử dụng giá trị sổ sách (Book Value) của cổ phiếu tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất để làm căn cứ trích lập dự phòng.

Khi sử dụng phương pháp trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư cổ phiếu, giá trị của khoản đầu tư trên BCTC vẫn không thay đổi mà thay vào đó là có sự xuất hiện của khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn/dài hạn (TK 129, 229). Muốn biết được giá trị thị trường của khoản đầu tư cổ phiếu của doanh nghiệp tại ngày lập BCTC, người sử dụng thông tin thường phải lấy số liệu từ các khoản mục đầu tư cổ phiếu rồi trừ đi số trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn/dài hạn mới có thể ra được kết quả cần tìm. Tuy nhiên, phương pháp này chỉ có thể áp dụng được đối với những doanh nghiệp có bản Thuyết minh BCTC chi tiết và đầy đủ, trong đó chỉ rõ giá gốc của cổ phiếu và giá trị trích lập dự phòng của cổ phiếu đó. Còn đối với những doanh nghiệp không trình bày chi tiết các nội dung đó trong Thuyết minh BCTC thì người sử dụng thông tin thường chỉ nắm được con số tổng quát về tổng thể các khoản đầu tư cổ phiếu chứ không thể biết được những số liệu chi tiết về giá trị thị trường của từng cổ phiếu.

(3) Hơn nữa, BCTC được lập dựa trên nguyên tắc giá gốc chưa thể cung cấp được thông tin về các khoản đầu tư cổ phiếu cho người sử dụng thông tin là: BCTC chưa phản ánh được những khoản tăng giá của cổ phiếu. Ngược lại với trường hợp giảm giá của cổ phiếu như trình bày ở trên, hiện nay chưa có quy định hoặc chuẩn mực kế toán nào nói về việc phản ánh những

khoản đầu tư cổ phiếu tăng giá trên BCTC. Và đây là một thiếu sót trong việc cung cấp thông tin thông qua hệ thống BCTC cho những đối tượng sử dụng thông tin khiến cho họ không thể nắm bắt được chính xác tình hình tăng giá của các khoản đầu tư cổ phiếu của doanh nghiệp để từ đó có thể đưa ra được những quyết định kịp thời và nhanh chóng.

Từ những vấn đề bất cập ở trên, bài viết đưa ra phương pháp hạch toán mới đối với các khoản đầu tư cổ phiếu nhằm mục đích có thể cung cấp đầy đủ thông tin hơn cho người sử dụng thông tin đồng thời BCTC của doanh nghiệp sẽ phản ánh được thông tin một cách chính xác và phù hợp với thực tế hơn.

Phương pháp này cơ bản dựa trên nguyên tắc giá trị thị trường. Theo phương pháp này, các khoản đầu tư cổ phiếu khi được mua/đầu tư sẽ vẫn được ghi nhận theo giá gốc (toàn bộ chi phí thực tế phát sinh để có được cổ phiếu đó). Tuy nhiên, trong quá trình nắm giữ, quản lý khoản đầu tư và lập BCTC, kế toán sẽ áp dụng nguyên tắc giá trị thị trường để phản ánh các khoản đầu tư này.

Một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh như sau:

1. *Doanh nghiệp mua hoặc đầu tư cổ phiếu:*

Nợ TK 1211, 2281 (Theo nguyên tắc giá gốc)

Có TK 111, 112, 331, 338...

2. *Cuối tháng, quý, năm khi lập BCTC, kế toán tiến hành*

đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư dựa trên nguyên tắc giá trị thị trường:

- Đối với những cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung có giao dịch thường xuyên, liên tục (có cơ sở tương đối chắc chắn và đáng tin cậy về mức giá giao dịch, khối lượng giao dịch của cổ phiếu), kế toán sử dụng mức giá đóng cửa tại phiên giao dịch cuối cùng của kỳ lập BCTC để so sánh với giá trị đầu tư ban đầu của cổ phiếu hoặc với giá thị trường tại thời điểm lập BCTC gần nhất.

- Đối với những cổ phiếu đã đăng ký giao dịch tại Upcom, giá trị thị trường là giá bình quân của các giao dịch tại ngày đánh giá lại.

- Đối với những cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch tại Upcom, ít có giao dịch trên thị trường (chưa có cơ sở chắc chắn về giá trị thị trường của cổ phiếu), kế toán phải căn cứ vào giá trị sổ sách của cổ phiếu đó hoặc thuê tổ chức thẩm định giá độc lập bên ngoài để định giá cổ phiếu của doanh nghiệp được đầu tư (tùy thuộc vào giá trị hoặc tỷ lệ của khoản đầu tư trên tổng tài sản doanh nghiệp hoặc một tiêu thức nào đó mà cơ quan quản lý nhà nước có thể ban hành quy định các trường hợp bắt buộc doanh nghiệp phải thuê tổ chức thẩm định giá đối với các khoản đầu tư cổ phiếu trước thời điểm lập BCTC năm hoặc giữa niên độ...). Đối với những cổ phiếu này, phương pháp giá trị thị trường có thể chưa phát huy

được hết hiệu quả do không thể phản ánh toàn bộ quan hệ cung cầu trên thị trường đối với cổ phiếu nhưng phần nào cũng sẽ cung cấp được cho người sử dụng những thông tin mới nhất về khoản đầu tư.

Sau khi đánh giá lại được giá trị thị trường của cổ phiếu, kế toán hạch toán như sau:

- Trường hợp tăng giá, kế toán hạch toán:

Cách 1 Ghi nhận luôn doanh thu trong kỳ:

Nợ TK 1211, 2281 (phần chênh lệch tăng do đánh giá lại)

Có TK 515, 711

Cách 2 - Hạch toán vào chênh lệch chờ xử lý:

Nợ TK 1211, 2281 (phần chênh lệch tăng do đánh giá lại)

Có TK 412 - Chênh lệch đánh giá lại tài sản

- Trường hợp giảm giá, kế toán hạch toán như sau:

Cách 1 - Ghi nhận luôn chi phí trong kỳ:

Nợ TK 635, 811

Có TK 1211, 2281 (phần chênh lệch giảm do đánh giá lại)

Cách 2 - Hạch toán vào chênh lệch chờ xử lý:

Nợ TK 412

Có TK 1211, 2281 (phần chênh lệch giảm do đánh giá lại)

- Khi có quyết định về việc xử lý các khoản chênh lệch do đánh giá lại, kế toán ghi nhận:

Nợ TK 412 (Trường hợp chênh lệch tăng)

Có TK 411

Hoặc

Nợ TK 411 (Trường hợp chênh lệch giám)

Có TK 412

3. Các khoản cổ tức được nhận, kế toán hạch toán như quy định hiện hành:

Nợ TK 111, 112, 131, 138 (Số tiền cổ tức được nhận)

Có TK 515, 711

4. Bán/Thoái vốn khoản đầu tư cổ phiếu.

- Trường hợp bán lãi, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 111, 112, 131, 138

Có TK 1211, 2281 (giá vốn)

Có TK 515, 711 (chênh lệch lãi)

- Trường hợp bán lỗ, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 111, 112, 131, 138

Nợ TK 635, 811 (chênh lệch lỗ)

Có TK 1211, 2281 (giá vốn)

- Các loại phí giao dịch, thuế thu nhập doanh nghiệp từ bán cổ phiếu thông thường sẽ được trừ trực tiếp từ tổng số tiền bán cổ phiếu thu được, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 635, 811

Có TK 111, 112

Sử dụng phương pháp hạch toán theo nguyên tắc giá thị trường sẽ có những ưu điểm và nhược điểm như sau:

• Ưu điểm:

- BCTC được phản ánh đúng hơn giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm lập.

- Thông qua các bút toán điều chỉnh trực tiếp của TK 1211, 2281 mà kế toán không phải sử dụng thêm tài khoản dự phòng như 129, 229. Vì vậy, công tác hạch toán sẽ đơn giản, tiết kiệm thời gian và chi phí hơn.

* Nhược điểm:

- BCTC của những năm tiếp theo không phản ánh được giá trị đầu tư ban đầu của cổ phiếu. Vì vậy, muốn biết hiệu quả của toàn bộ khoản đầu tư từ lúc mua cho đến khi bán, đòi hỏi phải có đầy đủ BCTC trong khoảng thời gian đó.

- Chi phí đánh giá lại giá trị thị trường cho những cổ phiếu chưa niêm yết (ít có thông tin về tình hình giao dịch của cổ phiếu) sẽ tốn kém hơn các cổ phiếu đã được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung.

- Trường hợp doanh nghiệp sử dụng Cách 2 - Hạch toán vào chênh lệch chờ xử lý sẽ dẫn tới trình trạng phần lãi (chênh lệch tăng giá) không được đưa vào doanh thu trong kỳ, làm giảm thuế TNDN phải nộp. Để quản lý tốt và tránh thất thu thuế, cơ quan quản lý nhà nước cũng cần ban hành chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các thu nhập từ chênh lệch do đánh giá lại tài sản. Trường hợp phần chênh lệch tăng giá do đánh giá lại cũng là đối tượng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 1211, 2281 (Tổng số chênh lệch tăng do đánh giá lại)

Có TK 3334 (Thuế TNDN phải nộp)

Có TK 412

Tài liệu tham khảo:

Chuẩn mực kế toán quốc tế số 32 - Công cụ tài chính: Trình bày (IAS 32 *Financial Instruments: Presentation*).

Chuẩn mực kế toán quốc tế số 39 - Công cụ tài chính: Ghi nhận và xác định giá trị (IAS 39 *Financial Instruments: Recognition and Measurement*).

Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 07 - Công cụ tài chính: Thuyết minh (IFRS 07 - *Financial Instruments: Disclosures*).

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính; nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2008/TT-BTC ngày 07/12/2009.